TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H1 phúc

Bản án số: 73/2023/HS-ST
Ngày: 21-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh.

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023, theo Quyết D đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Trần NgọcH; sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp 1, xã BD, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: ấp 2, xã BD, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tứ Hiếu và bà Lê Thị H1 (là bị cáo trong cùng vụ án); chồng: Thái Thanh Bình (đã ly hôn), con: có 04 người; tiền án: không có (vì đã được xóa); tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09-02-2023 cho đến nay; có mặt.

Nhân thân: Ngày 28-01-2022, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc".

2. Lê Thị H1; sinh năm 1969, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp 2, xã BD, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Út và bà Võ Thị Duyên; chồng: Trần Tứ Hiếu (đã ly

hôn), con: có 01 người (là bị cáo trong cùng vụ án); tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05-7-2023 cho đến nay; có mặt.

3. Lê Văn L; sinh năm 1977, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp LT, xã HT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: khu phố Lộc An, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: công chứng viên; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ngang và bà Phạm Thị Thanh Thủy; vợ: Tăng Thanh Diệu (đã ly hôn), con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại:

- Anh Trịnh Văn D, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền trả nợ, tháng 4-2020, Trần NgọcH lấy trộm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01265(CM) đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, diện tích 1623,2m^2, địa chỉ tại ấp 3, xã BD, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh do ông Thái Văn Phương và bà Nguyễn Thị Lanh là cha, mẹ chồng củaH đứng tên chủ sở hữu, được Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp giấy vào ngày 11-7-2014 cùng với giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông P, bà L1, và lấy tên là Thái Thị Huyền T là con ruột ông Phương, bà Lanh đem đến tiệm cầm đồ D Phát thuộc ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu cầm cố cho Trịnh Văn D với số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 4% thì D yêu cầu phải làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với D để làm tin thì mới nhận cầm cố. Sau đó,H nhờ mẹ ruột là bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Thao sống như vợ chồng với bà H1, đã chết năm 2021 giả làm ông Phương và bà Lanh cùng đến Văn phòng công chứng Đông Nam Tây Ninh (Nay là văn phòng công chứng Lê Văn L) thuộc khu phố Lộc An, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho D và vợ là Phạm Hoàng Y vào ngày 10-4-2020. Khi công chứng hợp đồng chuyển nhượng trên, Công chứng viên Lê Văn L đã không thực hiện đúng quy D, không kiểm tra đối chiếu giấy chứng minh nhân dân mang tên Thái Văn P và bà Nguyễn Thị L1 với con người thực tế là bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn To nên không phát hiện việc giả mạo.

Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng, D giao choH số tiền 100.000.000 đồng tại tiệm cầm đồ của mình.

Khoảng tháng 6-2020,H cần tiền để tiếp tục trả nợ nên đã thỏa thuận với D cầm cố thửa đất trên thêm 50.000.000 đồng thì D đồng ý. Sau đó,H tiếp tục nhờ H1 và ông Thao đóng giả ông P, bà L1 đến tiệm cầm đồ D Phát ký lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với D ghi ngày 10-4-2020 với số tiền chuyển nhượng là 150.000.000 đồng. D đưa choH số tiền 50.000.000 đồng.H đã sử dụng tiền tiêu xài cá nhân và không trả tiền theo thỏa thuận với D.

Ngày 06-01-2021, D làm thủ tục sang tên chủ sở hữu quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ số 46, diện tích 1623,2m^2, địa chỉ tại ấp 3, xã BD, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh của ông Thái Văn Phương và bà Nguyễn Thị Lanh.

Đến tháng 4-2021, D đến gặp ông Phương yêu cầu giao đất thì ông Phương không đồng ý do không có chuyển nhượng đất cho D, sau đó anh D và ông Phương khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xác D có dấu hiệu tội phạm nên chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng thụ lý, giải quyết. Qua quá trình xác minh thu thập chứng cứ xác D việc lừa đảo xảy ra tại huyện Gò Dầu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu thụ lý, giải quyết.

Kết luận giám D số 1629 ngày 28-12-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh thể hiện: Chữ viết họ tên Thái Văn Phương được đóng khung trên các tài liệu giám D với chữ viết đứng tên Nguyễn Thao trên 03 tờ khai CMND họ tên Nguyễn Thao là do cùng một người viết ra. Chữ viết, chữ ký, dấu vân tay Nguyễn Thị Lanh với Lê Thị H1 là do một người ký ra.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: không có.

Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn D yêu cầu bồi thường 160.000.000 đồng, bị cáo Lê Văn L đã bồi thường 80.000.000 đồng nên anh D làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáoH và H1 chưa bồi thường.

Về kê biên tài sản: Do các bị cáo không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Bản cáo trạng số 56/CT-VKSGD ngày 25-5-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Trần NgọcH, Lê Thị H1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy D tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Văn L về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy D tại khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Các bị cáoH, H1 đồng ý tiếp tục bồi thường cho anh D số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, trong đó mỗi bị cáo đồng ý bồi thường cho anh D số tiền 35.000.000 (*ba mươi lăm triệu*) đồng.

Ghi nhận Trần NgọcH, Lê Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho cho Lê Văn L số tiền 80.000.000 (*tám mươi triệu*) đồng, trong đó mỗi bị cáo đồng ý trả lại cho anh Lin số tiền 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần NgọcH, Lê Thị H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

- Căn cứ khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần NgọcH từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

- Căn cứ khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 29 của Bộ luật Hình sự: Tuyên miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Văn L.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn D yêu cầu bồi thường 150.000.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo Lê Văn L đã bồi thường cho anh D số tiền 80.000.000 đồng.

Ghi nhận bị cáoH, H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp cho anh D số tiền 70.000.000 đồng, trả cho anh Lin số tiền 80.000.000 đồng. Như vậy, các bị cáoH, H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, mỗi bị cáo đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng nên ghi nhận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN D CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận D như sau:

[1] Về hành vi, quyết D tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết D của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết D tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác D:

[2.1] Từ ngày 10-4-2020 đến tháng 6-2020, trên địa bàn huyện Gò Dầu, Trần NgọcH dùng thủ đoạn gian đối là lấy trộm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Thái Văn Phương và bà Nguyễn Thị Lanh nhờ Lê Thị H1, ông Nguyễn Thao giúp sức đã 02 lần giả làm ông Phương, bà Lanh ký tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Trịnh Văn D nhằm chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Trần NgọcH, Lê Thị H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy D tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Đối với Lê Văn L là Công chứng viên khi công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng quy D về công chứng, không kiểm tra đối chiếu giấy chứng minh nhân dân mang tên Thái Văn Phương và bà Nguyễn Thị Lanh với con người thực tế là bà Lê Thị H1 và ông Nguyễn Thao nên không phát hiện việc giả mạo, hậu quả để Trần NgọcH chiếm đoạt của anh Trịnh Văn D số tiền 100.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lin đã đủ yếu tố cấu thành tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", tội phạm và hình phạt được quy D tại khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáoH, H1 là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Bản thân các bị cáo đủ khả năng nhận thức về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên cần được xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hành vi của bị cáo Lin đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Công chứng được pháp luật bảo vệ, bị cáo Lin là công chứng viên, trưởng văn phòng công chứng nhưng đã thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại cho người khác nên cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Khi quyết D hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáoH, H1 chiếm đoạt tài sản của anh D, mỗi lần chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng trở lên nên hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy D tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lin không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy D tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lin đã bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bản thân bị cáo Lin có bà nội là mẹ Việt Nam Anh hùng, cha là thương binh ¾, mẹ là bệnh binh 61% nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy D tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Đối với các bị cáoH, H1: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khung hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết D không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5.2] Đối với bị cáo Lin: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo Lin lần đầu phạm tội, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, gia đình bị cáo Lin có bà nội, cha mẹ là người có công với cách mạng và bị hại đã có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lin. Hơn nữa, tại thời điểm bị cáo công chứng hợp đồng, tình hình Covid 19 diễn biến còn phức tạp, mọi người phải đeo khẩu trang khi tiếp xúc với người khác, nên bị cáo Lin mới không yêu cầu những người đến công chứng phải tháo khẩu trang nên dẫn đến việc phạm tội. Do đó, căn cứ theo quy D tại khoản 3 Điều 29 của Bộ luật Hình sự, cần miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lin là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Lin đã bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáoH, H1 đồng ý liên đới bồi thường cho anh D số tiền 70.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho anh Lin số tiền 80.000.000 đồng nên ghi nhận. Như vậy, các bị cáoH, H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, mỗi bị cáo đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng nên ghi nhận.

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phù hợp với nhận D của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáoH, H1, mỗi bị cáo phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy D tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT D:

1. Tuyên bố bị cáo Trần NgọcH, Lê Thị H1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

1.1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần NgọcH 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2023.

1.2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 7 năm 2023.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 29 của Bộ luật Hình sự: Tuyên miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Văn L.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Lê Văn L đã bồi thường cho anh Trịnh Văn D số tiền 80.000.000 (*tám mươi triệu*) đồng.

Ghi nhận Trần NgọcH, Lê Thị H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Trịnh Văn D số tiền 70.000.000 (*bảy mươi triệu*) đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường cho anh D số tiền 35.000.000 (*ba mươi lăm triệu*) đồng.

Ghi nhận Trần NgọcH, Lê Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho cho Lê Văn L số tiền 80.000.000 (*tám mươi triệu*) đồng, trong đó mỗi bị cáo trả lại cho anh Lin số tiền 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy D tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Các bị cáo Trần NgọcH, Lê Thị H1, Lê Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Riêng các bị cáo Trần NgọcH, Lê Thị H1, mỗi bị cáo phải chịu 3.750.000 (*ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết D được thi hành theo quy D tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy D tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy D tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Nhà tạm giữ công an huyện Gò Dầu;
- CC THADS h. Gò Dầu;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**